

TỬ PHÂN LUẬT HÀNH SỰ SAO TU TRÌ KÝ

QUYỂN HẠ (PHẦN 3)

THIÊN GIẢI THÍCH ĐẦU ĐÀ.

Đầu-đà là tiếng Phạm, giải thích ở sau. Đây là danh xưng cao quý của bậc Đạt sĩ, là danh từ khen tặng của bậc Thượng đức. Thế tục không biết chỉ theo danh xưng mà không hiểu rõ sự thật.

Hồ đoãn cân vi đạo: gọi cạo tóc là đầu đà.

Người có đạo biết hổ thẹn, danh thật đều táng mất. Bồng ôm trong lòng sự hiểu biết sâu xa, đây thật là chánh danh.

Trong phần nêu ý:

Khoa đầu có hai:

1- Trình bày căn cơ.

2- Từ thị trở xuống là hiển bày giáo.

Trong phần một: hai câu trên nêu đức, hai câu dưới là khen công. Báo là chỗ chiêu cảm của nhân đời trước; hành là chỗ tu hiện đời. Tinh nghĩa là mầu nhiệm. Khiết nghĩa là thanh bạch.

Siêu chúng lụy nghĩa là gần thì dứt bặt đục trần. Xa thì cởi mở sự ràng buộc trong các cõi.

Tủng là nói về tướng mạo của núi cao, khác với bậc trung, hạ, nên nói là bất quần.

Trong phần hiển giáo, hai câu đầu chỉ chung một đời. Như trở xuống là dẫn kinh luận Đại thừa, Tiểu thừa. Cổ trở xuống là nêu riêng Luật tông. Hai câu trên là y cứ chế giáo phản hiển.

Nói phạm chỗ chế: tức là chỉ chung y, thực, phòng xá, thuốc thang, v.v... Do đó, các giới phần nhiều là hạnh Đầu-đà đây nêu lỗi mà chế.

Phạm trở xuống là dẫn Thính giáo thuận rõ. Như trong giới hai phòng rộng nói mười hai hạnh Đầu-đà. Và giới y dư do có sáu mươi vị tu hạnh Đầu-đà đến chỗ Đức Phật, Đức Phật liền khen ngợi, do đây mà cấm chứa thức ăn. Do khai chế Trung hạ, sợ kia buông lung biếng nhác, vì thế trước khen bậc Thượng hạnh, ý khiến cho biết hổ thẹn, ý chỉ kính

mến sự cao ngạo.

Dục trở xuống là nêu ý dạy.

Biếng nhác khách nhiệm trần đều hội là tài năng của bậc trung hạ.

Biếng nhác là kiêu mạn, tức thuộc về kết hoặc, nhiệm trần là dục, tức thuộc về nghiệp phi. Thiền định phá kiêu mạn, giới dứt được ham muốn. Định phát tuệ, ba môn học vô lậu đầy đủ. Định thì nhiếp tâm phòng ngự vì thế dụ như ngôi thành. Giới thì thứ lớp nhập đạo cho nên dụ như giai cấp. Giai là thêm.

Trong phần dẫn chứng, Luận Trí Độ, đầu tiên nói ý Phật khen ngợi, Đạo hạnh chung cho ba thừa Thánh Đạo. Thế lạc tức nhân khổ của năm dục.

Bốn y theo hạnh Đầu-đà là căn bản chế, vọng chế khai giáo, cho nên nói là bốn.

Có trở xuống là nêu khai cho.

Nói nhân duyên là căn cơ trung và hạ, y, thực, phòng xá, thuốc thang bốn môn khai giáo đều có duyên.

Bất đắc dĩ: không phải ý của Phật.

Việc khác: chỉ chung tất cả thính giáo.

Trong phần chia chương, hai phần trên chỉ hạn cuộc bốn bộ. Ba là hiển bày bộ khác. Bốn là nêu hạnh khác.

Trong phần giải thích tên, luật Thiện Kiến, hai câu đầu là dịch tên.

Đầu Tẩu là nêu bỏ vật khiến cho hết không còn, từ thí dụ mà đặt tên.

Vị trở xuống là giải thích nghĩa. Phiền não là hoặc. Dính mắc là nghiệp. Trong kinh Thánh Thiện, kinh kia dưới chữ Thiên tử có chữ sở vấn. Kinh chỉ nêu nghĩa, có chút ít hợp với tên luận. Đầu tiên nêu hình tướng. Đầu tẩu là trí năng trị. Dục, sân nhuế, si là phiền não sở trị.

Mỗi thứ luận riêng: kia chép: phải sạch sáu nhập trong ngoài (sáu trần là ngoài, sáu căn là trong). Nay gồm sao chép cho nên chỉ bày.

Kế, từ hựu trở xuống là khen tu thuyết. Đầu khen tu nên nói là năng thiện. Như thị trở xuống là khen thuyết. Không lấy không bỏ nghĩa là đối với pháp là hai chấp có và không. Không tu nghĩa là không chấp chỗ tu hành.

Không: nghĩa là không chấp chỗ chứng đạo.

Luận kia chép: không có một chút pháp nào để chấp, đã không có chỗ chấp thì không có chỗ xả.

Lại không có tự tha hai người tu thì không có chỗ chứng (không thấy tự mình tu, khônggười thấy người khác tu).

Trong phần hiển bày đức: Khoa đầu dẫn văn có năm. Trong kinh Tăng Nhất nói thủy tán đồng Phật, là ý muốn nói sự quan trọng của tổn hại và lợi ích.

Do trở xuống nêu lý do quan trọng.

Trong Thập Luân y cứ kia chính là bài kệ bảy chữ. Nay chép câu thứ tư trở xuống là nhiều chữ số. Sợ người sau vọng thêm vào, văn kia chỉ quả trách phá giới. Do phá giới cho nên mất hạnh Đầu-đà thì nêu lỗi nặng của phá giới. Câu đầu là nêu lỗi, câu kế nói lỗi nặng nghĩa là đồng năm tội nghịch.

Phật không cứu trở xuống hai câu là dẫn chứng.

Không nhập chúng: tức trong hai bộ tăng, đây là y cứ phạm thiên đầu mà nói.

Trong Kinh Hoa Thủ nói từ nhượng, kinh ấy chép: Ta thấy Thánh Vương còn cho là khó, huống chi được phân chia giường ngồi chung với nhau. Nay ta được thấy gần gũi mời thỉnh đã là đại lợi, huống chi thấy thân mang cùng ngồi chung trên giường, đây rất là ít có, Đức Như lai rất từ bi hỷ xả. Trong kinh Tạp A-hàm duyên khởi cũng giống như đây chỉ thêm đối ý, xưng tán là khác.

Kinh ấy chép: Đức Phật ngự tại Kỳ-hoàn, các Tỳ-kheo thấy Ca-diếp đắp y thô xấu đi đến, liền khởi tâm kiêu mạn. Đức Phật liền đối y để dứt tâm kiêu mạn kia. Do thực hành khổ hạnh, Đức Phật còn tôn kính thì biết công đức này rất cao quý.

Tử Phần là văn Kiên-độ, luật ấy chép: Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ, bảo các Tỳ-kheo rằng: ta muốn ba tháng tịnh tọa tư duy, không để cho người ngoài vào, trừ người cúng dường. Các Tỳ-kheo lập chế: nếu có người nào vào thì phải sám hối tội Ba-dật-đề. Bấy giờ, Trưởng lão Hòa Tuyên Bạt-Xà-Đà Tử và sáu mươi vị tu hạnh Đầu-đà ở nước Ba-la không dùng, các Tỳ-kheo đều đến chỗ Phật, Đức Phật khen lành thay lành thay! Hòa Tuyên các thầy, đây đều là chốn A-lan-nhã, được tùy ý hỏi thăm. Các Tỳ-kheo nghe rồi phần nhiều tu tập hạnh Đầu-đà, cho đến xả bỏ y dư rất nhiều, cho nên biết ít muốn lìa nhiễm, tùy thuận lời Phật tức cúng dường Phật.

Trong phần nêu bày lợi ích, luận nói tu mười hai hạnh Đầu-đà đều có đủ mười lợi ích. Vả lại, chỉ nêu một món A-luyện-nhã để nêu nhiều lợi ích. Cố chí trở xuống văn nêu tướng không dẫn lại.

1- Nêu bày. Nói lược thuyết nghĩa là nói không hết. Nói tận hành

nghĩa là nói thời kỳ chính yếu.

2- Nêu tướng:

1- Thân không sở thuộc.

2- Không bị vật ràng buộc.

3- Không bị ngăn trở.

4- Trung luận nói: Tâm chuyển lạc tập A-luyện-nhã hoặc trụ xứ,

nghĩa là tâm ưa thanh tịnh càng thêm cao quý.

5- Không có chỗ mong cầu.

6- Không trụ xứ, không sợ dật để nêu bốn chí.

7- Là chỗ ổn náo.

8- Do thuộc chỗ thanh nhàn vắng lặng không chỗ làm.

9- Hễ tư thiền định thì phải nương duyên thanh tịnh.

10- Tướng vô ngại nghĩa là “Tam-muội không”, luận nói đây là tác tướng vô chướng ngại.

3- Từ nhược trở xuống là nêu duyên khai. Có nhân duyên, luận nói có mười trường hợp:

1- Cung cấp cho người bệnh.

2- Vì người bệnh mà xin thuốc thang.

3- Vì chăm sóc người bệnh.

4- Nói pháp cho người bệnh nghe.

5- Nói pháp cho người nghe.

6- Nghe pháp giáo hóa.

7- Cúng dường vị Đại đức.

8- Cúng dường Thánh chúng.

9- Vì đọc tụng kinh.

10- Khiến người đọc tụng kinh.

Có thông cuộc là y cứ vào duyên có, không. Ngoại đạo chế không khai cho nên không đồng.

Sau chỉ phẩm kia, vẫn có trường hợp mười ba, mười bốn.

Trong phần phân biệt, đầu tiên nêu tên lạm chung. Lan trở xuống là phân biệt hạnh thông cuộc, nghĩa là hai hạn cuộc mười thông.

Ồn ào, thanh tịnh là nói về xóm làng và chốn lan-nhã.

Trong phần nêu số, tổng quát có mười hai không ngoài bốn vị.

1- Nêu tướng sinh, chỉ y cứ tổng số, khoa sau nêu hạnh tức y cứ vào tướng riêng.

Trong phần tướng sinh, văn đầu, trước nêu sinh khởi. Sau từ cố trở xuống là nêu hình tướng.

Trong phần trước, đầu tiên nói y ban đầu, giúp đạo giúp thân, y

thực đều như vậy. Chỉ có thức ăn thì thời hạn, y thì thường dùng nên nói là quan trọng nhất.

2- Nhược ư trở xuống là nói lên phải lập lý do. Đầu tiên nêu lỗi sai. Thì trở xuống là nêu giáo lập.

Ít muốn biết đủ là lia sự tham cầu.

Thọ thủ có phương là hợp chế pháp. Chế pháp như ở sau sẽ nêu.

3- Khoa mỗi mỗi lập đều có xen vào phần sinh khởi ở trước, nêu tướng có hai đoạn, tìm văn có thể phân chia.

Trong phần ba nói đấng là buồng lung biếng nhác. Tiết là tiết hạnh.

Chỗ trống tùy ngồi do oai nghi nói xứ có khác với ở sau.

4- Ba trước là hướng đến mà ngồi. Ngồi là chánh tu nên gọi là trợ duyên. Nếu tâm quán ngồi cũng duyên mà thôi. Buộc niệm suy nghĩ tức tu chánh quán. Trảm triền là phá hoặc, xuất yếu là chứng lý.

Khoa kế chép rằng: nêu tên mười hai món sau đều nêu đầu.

Hành thể nghĩa là mỗi mỗi hiển tướng, bày chỗ tu.

Trong phần nói về y bá nạp. Văn đầu nói xả y đàn việt: là nhiều lỗi lắm.

Mặc y phần tảo: đầy đủ các lợi ích.

Khoa kế, y cứ văn luận đây nêu chung hai y đều lợi ích. Song chỗ dẫn này chính là dùng y phần tảo, cứ sĩ cúng y do đó kèm theo dẫn. Đối với tướng riêng của văn luật trên rất dễ thấy.

Trong mười lợi ích:

1- Do đắp y này không sinh kiêu mạn, buồng lung.

2-

3- rất dễ hiểu

4-

5- Chữ truyền lầm hợp viết thành chữ trước. Luận chép: Do nhầm lia tâm ưa đắp nhuộm y (đắp, mặc) không tham sự tốt đẹp.

6- Ít muốn thì thuận với đạo, cầu nhiều thì làm cho điều ác thêm lớn.

7- Kiểm chế thân.

8- Xả bỏ đồ trang sức.

9- Luận nói: Thuận theo tu tám Thánh Đạo để lia tà cầu thuận chánh mạng.

Luật Thập Tụng nói do mặc (đắp) y này được sách tấn siêng năng, không nhiễm thế gian.

Luận tổng kết rằng: thấy mười lợi ích khi đắp hai y này, cho nên

mười lợi ích này không chuyên về y Phần tảo để y cứ mà nói.

Y Phần tảo có mười lợi ích:

- 1- Không vì y mà hòa hợp với người tại gia.
- 2- Không hiện tướng xin y.
- 3- Cũng không phương tiện nói để được y.
- 4- Không cầu xin khắp bốn phương.
- 5- Nếu không được y cũng không lo buồn.
- 6- Được y cũng không vui.
- 7- Khinh thường vật không có lỗi hoạn.
- 8- Không trái với pháp bốn y ban đầu.
- 9- Xếp vào trong số y thô (xếp vào y phần tảo trong hạnh Đầu-đà).
- 10- Không phải là người tham đắm.

Trong phần ba, kinh ấy chép: Phật bảo Ca-diếp Sa-di Châu-na lượm được y phần tảo, đem đến ao A-nậu-đạt để giặt cho sạch, các vị trời từ xa trông thấy đều đảnh lễ, lấy nước giặt y này để tắm gội (Ng-hiệp Sở nói rằng vì tâm thanh tịnh). Tiếp đó có một ngoại đạo đem tấm bện bằng bông đến giặt, các vị trời từ xa ngăn chớ làm dơ uế nước trong ao đó (Sở rằng: do tà mạng mà được thể bất tịnh). Y phần tảo này đều là những mảnh vải vụn rơi rớt của người đời bỏ, lượm kết may làm pháp y.

Muốn cho tiết kiệm ít ham muốn, phải nghĩ ngoài một y Bá nạp này không còn vật gì nữa. Thời nay, chúng tăng phần nhiều làm Nạp san (áo lót nhiều thứ vải) đây không phải là pháp mục. Cắt may vải lụa năm màu, thêu thùa sặc sỡ gọi là Sơn Thủy Nạp, giá trị đến mấy ngàn bạc đây đều trái với sự tiết kiệm. Mấy năm may vá luống phí thời gian và công đức. Pháp theo thời lầm bậy, Đạo tùy sự mà dứt mất. Đây chính là vọng xưng bậc Thượng đức, xen lẫn dự vào hạnh Đầu-đà, những người hiểu biết phải rất cẩn thận.

Trong phần hai văn đầu nói xả bỏ những vật dư vì lìa lòng tham chứa để. Đắp ba y, hoặc gọi là chỉ ba y, chỉ dụ như độc nhất, vì ngoài ba y không có y nào khác.

Khoa kế, phần năm nói tế giới hạnh: lìa các vật dư, trì phụng tinh vi.

Phần sáu nói hành lai không lụy nghĩa là vì không bị vật ngăn trệ.

Tám: Tùy trở xuống y theo luận có chữ thuận, nghĩa là Lan-nhã không xứ vì ít việc.

Mười: Vì dùng tám Thánh Đạo lia tà mạng.

Trong phần ba, khoa đầu nói ba thừa đều khát do chánh mạng đây là Thánh chủng vì bề đẹp tâm ngã mạn, lia các điều ác. Tu bình đẳng nên sinh vật thiện, khiến thực hành Đản ba-la-mật khởi đại hạnh, khiến sinh lòng từ, biết vì gieo hạt giống Phật. Bực cực Thánh còn như vậy hưởng chia các bực Thánh khác. Ba đời mười phương đều như vậy, đâu chỉ một cõi Ta-bà này.

Than ôi! Đời mạt pháp, năm trước càng nặng, ngã mạn tự cao không có tâm chánh tín, bôn ba theo thế tục. Xin bảo với các môn đồ, hoặc ông ọo nơi thôn xóm, hoặc cưỡi giởn ở các ngã đường, hoặc làm việc buôn bán, hoặc đích thân cày bừa làm ruộng, kinh doanh các vật thế tục trọn đời không đủ.

Tự cam là kẻ thấp hèn sợ lao nhọc, có thể gọi là chỗ khinh mạn của kẻ ngu ở thế gian. Đâu biết rằng đây là diệu thuật của sự sống thanh tịnh, là pháp môn giải thoát tự tại. Trong nhân, cúng thí vô cùng, ruộng phước trong quả nào bằng. Tin là đầu mối để phát hạnh, là thêm thang đầu tiên để nhập Đạo. Đã biết muôn kiếp khó gặp, chớ để một đời luống qua. Xin tìm xem khắp trong Đại tạng, tin sâu lời Phật, hết sức vâng hành thì mới thật là Phật tử.

Khoa kế, luận có năm ý:

1- Xứ chúng nhiều phiền não, vì ăn thức ăn của tăng.

2- Làm thức ăn có nhiều lỗi.

Nói không đúng pháp hoặc mua, hoặc tổn thương tánh mạng. Hoặc ngủ nấu, ác xúc, cho nên không thanh tịnh.

3- Ràng buộc thuộc nhiều phiền hoạn, ép ngặt, nhan sắc mạnh mẽ. Sắc không an theo ý nên tâm không an.

4- Thuận hành bốn y. Đâu nêu chế ý, thọ trở xuống là bày sự tổn hại và lợi ích. Đầu tiên nêu sự tổn hại của thọ thỉnh. Nhược trở xuống là nói lợi ích của việc khát thực. Kiêm vị, kiêm nghĩa là tôn trọng.

5- Từ hựu trở xuống tức sự nêu pháp.

Nói vô tận nghĩa là biển lớn Phật pháp không có thủ chung (đầu cuối).

Trong phần ba, khoa đầu trước nói pháp trong chốn A-lan-nhã. Đắp y, cầm tích trượng đi, v.v... tức là thân nghiệp. Tư duy tức là ý nghiệp. Thấy người hỏi thăm, v.v... là khẩu nghiệp.

Đả lộ trượng nghĩa là nhờ cây trượng biết được cách trên cỏ vì sợ sương, mốc ướt y. Hoặc nói rằng cầm tích trượng, tròng thú sợ.

Nếu gần trở xuống là thứ lớp vào xóm khát thực, có sáu pháp:

1- Pháp đắp y.

2- Từ chí trở xuống là cách nhìn. Đến môn thứ bảy, do luật chế pháp không quá bảy nhà. Nếu theo luận Tát-bà-đa thì có ba trường hợp thứ lớp khát thực.

- Đến một nhà được thức ăn, ăn không đủ thì thôi.

- Thứ lớp đến bảy nhà được thức ăn, ăn không được cũng thôi.

- Thứ lớp từ nhà này đến nhà khác ăn đủ thì thôi, không hạn lượng nhiều ít. Ngày sau khát thực trở lại theo thứ lớp đầu tiên. Y theo đây tùy người nêu ý thọ hành khác nhau nên không có chế nhất định.

3- Từ hữu trở xuống là pháp chánh khát thực. Bên đường vì nêu sự nhún mình. Thứ lớp vì không phân biệt nhà giàu, nhà nghèo, y cứ ở sau trừ các nhà có chó dữ, trâu dữ. Trong kinh Lăng-nghiêm nói rằng: Ca-diếp bỏ nhà giàu đến khát thực nhà nghèo. Tu-bồ-đề bỏ nhà nghèo đến nhà giàu, đều bị Đức Phật quở trách là không bình đẳng.

4- Từ nếu thế tục trở xuống là pháp thọ lấy. Đón lấy nghĩa là thấy người khác đem thức ăn đến thì đến trước họ mà đón nhận, do trái với tướng tôn trọng nên không chế không được.

5- Từ nếu trở xuống là phép quán thời gian.

6- Từ được ăn trở xuống là pháp tác niệm. Y theo sau phải giữ lại phần của giặc, hoặc nghi giặc cướp đoạt, không tưởng của mình, cũng có chút ít lòng tham.

Nhấn đến trở xuống là nêu tụ pháp, như trước tiến phủ, đồng với nghiệp hành ở trên.

Khoa kế nói không được nói v.v... là vì lia tà mạng, tại hiện xứ là khiến cho người khác thấy.

Mặc nhiên lập: không cầu, tự xả, được phước nhiều.

Trong phần ba, nói ba tạng môn là nói theo có. Trong đây nhà thế tục không ưa vào, chỉ ở ngoài bức rèm ngăn che để tránh sự chê bai.

Búng ngón tay ba tiếng là khiến cho bên trong biết, nay hoặc rung tích trượng để thay thế búng ngón tay càng tốt.

Không tiện đi nghĩa là chậm lại đợi thí chủ ra, nếu không ra mới đi.

Trước tiên ăn thức ăn nấu chín vì không bị tổn hại.

Trong phần bốn, nêu lợi ích gồm:

1- Thân được tự tại.

2- Vì để khuyến hóa việc tu hành.

3- Khởi niệm lợi ích cho người khác.

Sinh tâm từ biết nghĩa là thương xót người khác san tham bỗ sển

ít phước đức.

Luận kia chép: Ta phải siêng năng tu hành tinh tấn (Hành khát không biếng nhác), khiến khéo trụ tâm bố thí (phát khởi đại hạnh), khởi tưởng mình chính là thức ăn (tác niệm).

Trong phần năm nói để đầy đủ, để nuôi dưỡng nghĩa là một bát liền no đủ khắp thân phần.

Trong phần sáu nói sinh nghiệp là vì khát thực ít nhất.

Tức kinh chép: tự thấy như vậy, nếu khởi tâm kiêu mạn sẽ mau bị tiêu diệt là ở đây.

Trong phần bảy nói là hộ thắng quả. Trong ba mươi hai tướng tốt của Chư Phật, tướng vô kiến đánh là bậc nhất. Trong nhân là một người hành khát thấp hèn mà cảm được tướng này cho nên nói là gốc lành.

Tám là hướng dẫn người khác.

Chín là ít việc.

Mười là lia tâm phân biệt vì nếu thọ nhận sự cúng thí riêng thì có tâm thiên vị.

Trong phần năm, tiếng Phạm là Phân vệ, Hán dịch là Đoàn đạo. Do ở Tây Trúc phần nhiều là đoàn thực, cơm đựng trong cái bát.

Luận nói: khát thực nêu sự hiển bày.

Trong phần sáu, có ba:

1- Dẫn chuyển thí để răn dè việc ăn một mình.

2- Dẫn đường xa để răn dè từ chối việc mệt nhọc.

3- Dẫn gặp nạn để răn dè việc khinh động.

Văn trong luận nêu ba mươi ba việc. Luận ấy chép: Đức Phật độ năm trăm Thích chủng sợ gần gũi người thân để phá giới nên đến nước Xá-Đề-Bà-Đề. Đầu hôm, gần sáng không ngủ, tinh tấn tu hành cho nên đắc đạo. Sau đó, Đức Phật đem về bốn quốc, trong rừng của vị tiên Ca-tỳ-la cách thành năm mươi dặm, vì thế Thích chủng dạo chơi trong vườn này (có chỗ sửa lại cách thành ba dặm là không đúng). Các Thích tử Tỳ-kheo do trước đây tu hành không ngủ cho là đêm dài. Từ trong rừng vào thành khát thực cho là đường xa, Đức Phật biết tâm của các vị này. Lại có sư tử đến lễ dưới chân Đức Phật, do ba duyên này nên Đức Phật nói bài kệ. Trong lời Sao dẫn ba câu trên. Câu dưới nói rằng không biết chánh pháp.

Lại nói: Đức Phật bảo Tỳ-kheo: khi thấy chưa xuất gia tâm buông lung, ngủ nghỉ nhiều nên không biết đêm dài, nay vì cầu Đạo nên giảm bớt sự ngủ nghỉ, vì thế biết đêm dài. Trong rừng này, các ông vốn dùng xe cộ dạo chơi nên không biết đường xa, nay đắp y, ôm bình bát đi bộ

mệt nhọc vì thế biết đường dài. Sư tử này, vào thời Đức Phật Tỳ-bà-thi là một người Bà-la-môn, nghe Phật nói pháp, mọi người không nói chuyện với người này, liền sinh niệm ác mắng nhiếc rằng mấy ông trọc đầu này không khác gì súc sinh. Từ đó đến nay chín mươi một kiếp thường bị đọa vào loài súc sinh. Do vì ngu si nên ở trong sinh tử lâu dài, nay đối trước Phật tâm thanh tịnh nên sẽ được giải thoát.

Trong kinh Tăng Nhất A-hàm, đầu là dẫn duyên khởi. Mục-kiền-liên trở về, Xá-lợi-phất trước trở về thôn cũ vào thành. Xá-lợi-phất thường bị bệnh phong nên nói là hoạn nặng, các vị trời rơi lệ buồn thương cho ngài cách xa đời.

Hai câu đầu khen nghiệp lực, do hai vị Tôn giả này đều đền trả nghiệp đời trước.

Cố trở xuống là nói rõ nghiệp.

Đăn trở xuống là nêu quả báo.

Dứt bỏ nghiệp báo chung: do phá kiến tư hoặc, nghiệp căn mất hẳn, không bị đọa trong ba đường ác.

Biệt báo tức bị đánh và bệnh cho nên bị chết.

Trong phần bốn do thức ăn trước là chánh thực được no đủ. Chưa đến giờ ngọ nếu muốn ăn thì khai cho, phải làm pháp dư thực rồi mới ăn. Pháp thức đều đủ ở trong phần tùy tướng. Bực Thượng căn ít muốn không thọ pháp khai này, vì thế được tên mà thôi.

Luận Trí Độ, trước nói doanh cầu chứng không giới hạn ở trước. Hậu thực tức dư thực.

Mất nửa ngày: chứng phương nghiệp ở trước.

Phật trở xuống là nêu ý xuất gia.

Nuôi ngựa là lợi dụng năng lực của nó, nuôi heo là lợi dụng thịt của nó để ăn. Người xuất gia hành đạo không nên lợi dụng sắc lực, ở đây và thứ sáu không có mười lợi ích, vì Ta-bà không có hai hạnh này.

Như trong phần hạnh khác của các bộ có nói. Trong phần năm nói nhất tọa nghĩa là chỉ ăn một lần, không đồng với hạnh trước, giống như thọ tiểu thực.

Lợi thứ hai trong mười lợi là nói không có vật gì khác.

Lợi thứ ba là không có phiền não khi làm việc.

Trong phần năm nói ăn một lần là hạnh sâu kín trong pháp thực.

Bảy là nói chướng hoạn, nghĩa là nhiều việc chướng ngại cho đạo nghiệp.

Khoa kế, có thực hành ăn một lần, sợ đói ăn nhiều, vì thế có lỗi này.

Pháp tiết lượng thực, văn thấy ở khoa sau.

Trong phần ba do người ăn no, phần nhiều không nghĩ đến Đạo, thân lớn ba độc vì không phải là Đạo nhân.

Trong phần sáu, khoa đầu ngoài một chén lại không được lợi ích, có khác với trước.

Trong phần hai, luận giải thoát nói tiết lượng thực là tên khác của nhất tọa thực (ăn một lần). Hai mươi mốt suy, xứ kia suy thực, xứ này không phải như thế. Phải y cứ về miệng mà luận. Người ở phương này nhỏ bé, y cứ sau có thể cho mười người, phải tùy theo người thêm hoặc bớt, không cần nhất định chỉ rộng.

Như kia: luận chép rằng: vì sao phải thọ thực có tiết lượng, nếu ăn no không có chừng độ sẽ thêm kiết sử ngủ nghỉ, thường tham ưa vì bụng không nhàm. Biết lỗi này sẽ thấy được công đức của sự ăn uống có tiết lượng. Ta từ ngày nay sẽ dứt tâm tham lam buông lung, ăn uống có điều lượng không để bụng tự do, ăn nhiều thêm bệnh, biết đó nên không ưa, trừ tham diệt bệnh dứt các sự biếng nhác, khéo nhập sở hành, v.v...

Luận Đại Trí Độ, đầu tiên nêu pháp tiết lượng.

Tác trở xuống là hiển bày lợi ích. Như trở xuống là luận gia tự dẫn kinh để làm chứng. Người kia thân hình lớn vì thế năm, sáu người có khả năng làm, xứ này mười người.

Trong phần bảy, luận Đại Trí Độ nói viễn ly xứ: đối với thôn, xóm mà có tên. Ba dặm là gần nhất, giảm bớt thì không thành.

Chỉ cho Tập hạnh: luận giải rằng được thân xa lìa rồi cũng khiến cho tâm xa lìa năm món dục, năm món cái, v.v... Và nói rộng mười hai hạnh trên, tìm xem đó (văn thấy sáu mươi bảy, trong tạng kinh này chia quyển không nhất định).

Luật Tứ Phần nói vắng lặng là y cứ đương thể mà có tên. Như đối trong dật: Một cung có bảy thước hai tấc. Trăm cung là bảy mươi hai trượng. Năm trăm cung là ba trăm sáu mươi trượng. Sáu thước là một bộ. Sáu mươi trượng là một trăm bộ. Ba trăm sáu mươi trượng là sáu trăm bộ tức là hai dặm.

Trung Quốc trở xuống là dẫn luật Thập Tụng. Đầu tiên nêu Chùa tháp ở nước kia, Ni sợ lạng nhục nên ở trong thành.

Kế từ mười trở xuống là dẫn chứng.

Chung quanh chùa nghe tiếng Hổ gầm nghiệm biết xa thành chừng một ngàn hai trăm bộ, ba trăm bộ là một dặm, như vậy là bốn dặm.

Luận Tát-bà-đa nói nghe tiếng trống đánh, y theo phần trong Tập Tăng thì tức có hai dặm, có giống luật Tứ Phần chút ít, nhưng các văn

không đồng, nên dùng bốn tông làm chuẩn. Như trước luận Trí Độ nói xa càng tốt.

Khoa kế, chỉ cho y của tăng: tên đồng mà tướng khác, vì sợ xen lẫn nhau. Theo chốn A-lan-nhã của tăng không có nạn thì năm dăm, có nạn thì hơn bảy mươi bộ như giới là y.

Trong phần ba do sự tình tương phản, người thích xem thường nhau, tăng lỗi diệt pháp vì thế Đức Phật đặc biệt chế giới. Thượng nghiệp, nghiệp tức là hạnh. Sùng là tôn trọng, nghĩa là trong thượng hạnh rất tôn trọng chốn A-lan-nhã (mười lợi ích như trước).

Trong phần tám dẫn luận tên khác, thì biết pháp này không cần gò má.

Trong mười điều lợi, trước nói bốn tướng. Tướng tức là quán.

1- Tướng vô thường: tất cả pháp hữu vi có hai thứ: một là chúng sinh, hai là cõi nước (tức hữu tình và vô tình). Hai pháp này đều thường sinh diệt cho nên nói là vô thường. Cho đến trải qua riêng sắc, tâm, ấm, giới nhập, v.v... mỗi mỗi đều như vậy. Do đối cảnh quán hạnh hiện tiền, vì thế trong luận đều nêu chữ “Thường”.

Luận Trí Độ chép rằng: Do thân chết này quán tất cả pháp dễ được tướng vô thường.

2- Tướng chết: nghĩa là một thời kỳ quả báo thường trải qua hai thứ tử (phần đoạn tử, biến dịch tử).

3- Tướng bất tịnh: Quán thân mình và người, trong đó có ba mươi sáu vật (như trong giới sơ nói), ngoài có chín lỗ, chất dơ bản thường chảy ra từ lúc sinh ra đến lúc chết không có một chỗ nào sạch cả.

4- Quán không đáng ưa thích: Quán hai món thế gian: một là chúng sinh, hai là cõi nước đều có những điều ác không đáng ưa thích.

5- Nghĩa là nhân quán thân chết tức đối với nhau sắc tâm không ràng buộc.

6- Thượng tướng thế gian kia.

7- Do vì buồn không vui.

10- Thường thấy thân chết, không sợ những việc khác.

9- Đầu dẫn luận Đại Trí Độ nói chỗ hiệu nghiệm. Đức Phật hạ sinh dưới cây Vô Ưu; thành đạo dưới cây Bồ-đề; xoay bánh xe pháp dưới cây cát tường; nhập Niết-bàn dưới cây Ta-la.

Kế dẫn luận Thập Trụ nêu mười điều lợi. Văn nêu bảy lợi, nay dẫn đủ mười điều lợi đó:

1- Không cầu phòng xá mệt mỏi.

2- Không cầu xin ngọa cụ mệt mỏi.

- 3- Không chỗ ưa thích mệt mỏi.
- 4- Không thọ dụng mệt mỏi. (Văn này không có chỗ mệt mỏi.)
- 5- Không có danh tự chỗ ở (Nghĩa là không có tên trụ xứ)
- 6- Không có việc đấu tranh.
- 7- Thuận theo pháp bốn y.
- 8- Dễ được không lỗi.
- 9- Thuận theo tu đạo.
- 10- Không có các hành xứ ồn náo.

(Lời sao này lược các điều lợi 5, 6, 9 bằng chữ “đẳng” (v.v...). Lời ký xưa thì hợp hai điều lợi không ưa, không thọ dụng thành một. Pháp bốn y làm bốn là sai.)

Trong điều mười, khoa đầu nêu dưới cây có nhiều lỗi. Tiện trở xuống là nói ở chỗ đất trống có nhiều lợi ích.

Khoa kế dẫn kinh Tăng A-hàm quán pháp thành Thượng không định, do quán thân này đã nường xương lông, v.v... các duyên hòa hợp mà thành. Phải biết thân ta rốt ráo không thật có, đây là nhân không. Lại rõ các duyên tự thể cũng không, đây là pháp không. Như thật biết nhân pháp đều không tức phá hai chấp, vì thế nói là “Tới Pháp không”.

Trong phần ba dẫn luận, đầu tiên nói Thượng pháp. (Pháp thượng)

Ở tại cây trở xuống là nói Trung pháp (pháp Trung).

Vũ quy ốc trở xuống là khác với trên. Phú xứ ít tổn vì thế được dùng vật của tăng.

Trong phần bốn có mười lợi:

- 1- Không cầu xin.
- 2- Không ràng buộc.
- 3- Không hộ người khác.
- 4- Không có sự ưa thích.

7- Có hai lợi đều ngược với điều dưới gốc cây mà nói. Do dưới gốc cây còn bị tiếng gió, gai gốc, v.v...

- 8- Không chiếm chỗ của người khác.
- 9- Không lo sợ người khác cướp đoạt.

Như lai trở xuống là dẫn sở hành của Đức Phật khiến cho vui vẻ.

Rừng Đại úy cũng gọi là rừng Khủng úy, Hàn lâm tức rừng Thi Thầy Đà ở phía Tây Bắc thành cách Vương-xá mười dặm. Ở nước đó, người chết phần nhiều đem bỏ vào rừng này gọi là Lâm táng.

Bị người xúc não không khởi ý: là nêu hạnh nhẫn nhục để răn dạy đời sau.

Kinh chép: Người có thể thực hành hạnh nhẫn nhục mới có thể gọi là người có sức mạnh lớn là ở đây.

11- Tùy tọa nghĩa là chỗ không có người thì liền ngồi, không cần phải ở dưới gốc cây hoặc chỗ đất trống.

Luận Giải thoát Đạo gọi là gặp được chỗ ngồi. Giải thích rằng: không ưa thích chỗ tham lam của người, không xúc nã người khác khiến cho tránh đi.

Trong mười điều lợi, điều một, hai dễ hiểu. Điều thứ ba, là không nhường nhịn. Điều bốn vì không khiến cho tránh đi. Điều lợi thứ năm là ước hy vọng. Điều thứ sáu y cứ vào việc của người khác. Điều thứ tám y cứ vào việc làm của mình. Điều thứ chín nghĩa là không xúc nã người khác. Kia nói đầy đủ rằng không khởi nhân duyên sinh tụng.

12- Khoa đầu luận Tát-bà-đa, trước nói pháp ngồi: Nhiên trở xuống là nêu chế ý.

Khoa kế, đầu tiên nêu hình tướng tức là thân nghiệp. Như trở xuống nêu tâm hạnh, nói không lống ngồi. Trong kinh có bốn pháp: Hai pháp đầu là trị lỗi tức tự lợi. Pháp thứ ba là lợi tha. Pháp thứ tư là để tâm vào thắng cảnh. Ngủ nghỉ, trạo cử, tán loạn thì lìa niệm Phật cho nên không ngồi.

Sau chỉ luận là luận Giải Thoát, luận ấy chép: thường ngồi công đức đoạn vì sinh sự biếng nhác trừ khi thân bệnh (khai duyên bệnh). Là sự nhiễm xúc, ít vui, ít bị ràng buộc vào việc ngủ nghỉ sẽ được tịch tĩnh, có thể kham tu thiền định. Sở hành của thiện nhân là nghiệp vô ngại.

Trong phần ba nói mười điều lợi ích: Ba điều trước là trị vui, điều thứ tư là lìa khổ, điều thứ năm là buông tình, điều thứ sáu và bảy là thành nghiệp, thứ tám là tinh thần khoáng đạt, thứ chín là thân an, thứ mười là nghiệp nhẹ.

Trong phần bốn, luật Tứ Phần, trước tiên dẫn duyên. Phật trở xuống là lập giáo. Câu đầu là lập chế. Ứng trở xuống là dạy tu. Tư duy là tu quán. Trong đây không nói nên chỉ như sau tức trong pháp bốn nghi của thiên chủ khách (Hoặc chỉ Ba quán trong Thiên Sa-di).

Trong luận Trí Độ, đầu tiên là khen pháp ngồi, cầu trở xuống là răn dè sự ngủ nghỉ. Đại sự là chỉ việc cần phải dò xét trong Đạo. Tức kinh chép: không nên vì nhân duyên ngủ nghỉ khiến cho một đời lống qua vô ích không được lợi ích gì.

Lại nói: các giặc phiền não thường rình rập để giết người, rất thù hận nhau. Đâu thể ngủ nghỉ, không tự cảnh tỉnh mình...

Nhược trở xuống là dạy pháp ngồi.

Hông không dính chiếu là thường ngồi.

Phần ba, trong các bộ:

Luận Tỳ-ni Mẫu: đối với thức ăn trị sân, dứt bỏ phiền não là Thượng hạnh.

Luận Trí Độ: nói dứt trừ mười hai thứ nước trái cây ép.

Không nhất tâm: kia giải thích rằng: vì ăn uống tương nên tìm cầu các thứ tương, nghĩa là tương quả, tương mật... Như Ngựa không có roi, ăn cỏ hai bên đường không chịu tiến lên đường trước, nếu có roi thì ý ăn cỏ sẽ dứt.

Kinh Bảo Vân chép: phần một trong bốn phần tức nói khát thực là hạnh riêng. Đầu tiên chánh nêu hình tướng.

Cái âm là cái, cũng là khát vật, cho quỷ thần tức nay gọi là thí thực.

Nhược trở xuống là dẫn pháp khát thực.

Trước tiên là phá giới cấm: hoặc tại gia phá năm giới, tám giới. Hoặc xuất gia trái Đạo.

Chỗ có thể bị cơ hiểm là nhà dâm nữ, quán rượu, v.v...

Trong Thập Trụ, kia không có dư một buổi ăn, vì thế có hai thứ này, khác với ở trên.

Đều có mười điều lợi ích: kia nói rằng: Thọ y bằng lông tơ có mười lợi ích:

- 1- Trong số y thô (xấu), nghĩa là đồng với y phần tảo.
- 2- Ít cầu xin.
- 3- Tùy ý được ngồi.
- 4- Tùy ý được nằm.
- 5- Dễ giặt.
- 6- Nhuộm cũng dễ.
- 7- Ít bị côn trùng gặm nhấm làm hư.
- 8- Khó mục nát.
- 9- Không thọ y khác.
- 10- Không mất y cầu đạo.

Sau khi ăn không thọ thức ăn uống phi thời, có mười điều lợi:

- 1- Không ăn nhiều.
- 2- Không ăn no quá.
- 3- Không ăn thức ăn ngon.
- 4- Ít có sự tham cầu, mong muốn.
- 5- Ít bị chướng ngại, họa hoạn.
- 6- Ít bệnh tật.

7- Dễ đầy đủ.

8- Dễ nuôi dưỡng.

9- Biết đủ.

10- Khi thiên tịnh thân không bị môi mê.

Luận Giải Thoát Đạo chép: Hai pháp y tương ứng: nghĩa là y Phần

Tảo và ba ý.

Năm pháp thực tương ứng, nghĩa là:

- Thứ lớp khát thực.

- Nhất tọa khát thực.

- Tiết lượng.

- Đúng thời.

- Sau ngộ không được ăn.

Năm pháp ngồi, nằm tương ứng.

- Chỗ vô sự (Chốn A-lan-nhã).

- Dưới gốc cây.

- Chỗ đất trống.

- Gò mả.

- Chỗ gặp được.

Một là mạnh mẽ tương ứng nghĩa là thường ngồi không nằm, nhưng việc mạnh mẽ này có thêm hai chữ phân.

(Trong pháp khát thực, phần nhiều là thứ lớp khát thực, còn pháp khác đồng như luật Tứ Phần).

Luật Thập tụng nói chỗ mưa nhiều thì bốn tháng. Ở Tại lộ là mùa đông. Tám tháng ở chỗ che khuất, xuân hạ mưa nhiều. Ít mưa thì ngược với trước: mùa đông tám tháng xuân ở chỗ có che. Bốn tháng mùa hạ ở chỗ có che.

Trong phần kết chỉ. Trước là chỉ phần nêu trước. Tổng trở xuống là phân biệt các văn.

Luận kia, trước gồm nêu tên, kế gồm hiển bày tương. Sau tùy thực hành mà nói riêng.

Trong phần nói về mỗi hạnh, Một là đầu tiên nêu lỗi, Hai là nói thọ, Ba là hiển đức, Bốn là hiện lỗi, vì thế nói là thứ lớp rõ ràng, v.v... Hơn nữa, cũng lược nêu bày. Kia chép: Vì sao thọ khát thực? – Nếu thọ sự mời thỉnh của người khác thì có ngại cho nghiệp mình (nêu lỗi). Ta từ nay dứt thọ nhận sự mời thỉnh của người mà thọ pháp khát thực.

Vì sao được công đức? – Vì y theo tâm sở nguyện tấn chỉ tự do, dứt trừ sự biếng nhác, đoạn diệt tâm kiêu mạn (Nguyện đức). Nếu thọ sự mời thỉnh của người khác, đây là mất khát thực (nói về lỗi). Các hạnh

khác đều như vậy, thấy đủ ở phần hai, nếu cần thì tìm xem.

Trong phần bốn nói tạp pháp, tức những việc cần làm trong chốn A-lan-nhã.

Đầu tiên có bốn phần: 1- Chỗ cần đầy đủ.

2- Từ nếu thấy trở xuống là nói đợi bạn lữ.

3- Từ có dư trở xuống là nói pháp ăn xong rồi. Cho người tức là khát cầu, phi nhân là quý, thân, cầm, súc, v.v... Ở chỗ đất sạch (ở tịnh địa), trong nước hoặc không có người nuôi, giữ lại để trong tịnh xứ dự định sau sẽ thí.

4- Từ có cướp bóc trở xuống là nói pháp đợi giặc. Chế biết thời tiết để đề phòng nạn cướp bóc.

Cổ trở xuống là dẫn luật Thập Tụng, văn chứng rất dễ biết. Tinh kinh là sách âm dương.

Sau chỉ luật Tứ Phần tức lưu thực v.v... Trong phần hai nghĩa là dùng cây cọ cây thì phát ra lửa.

Hỏa châu là Thủy tinh châu, ánh sáng mặt trời soi chiếu dùng cây mồi sẽ phát ra lửa. Sự đồng với xảo thuật của thế gian nên khai cho che lại dùng.

Trong phần ba, trước nói hạnh Đầu-đà, đây là chỗ dùng ngày nay. Sau đọc tụng v.v... do đó mà dẫn. Những người như trên buông lung không theo thứ lớp. Thêm phân cho vật nghĩa là đều suy tôn người có đức, để dắt dẫn người sau.

Trong phần bốn, luật Ngũ Phần nói thọ thỉnh phạm tội Đột-cát-la. Đây là nói về khát thực, mười một phần khác đều trái phạm, y theo đạo giải thoát tức y Phần tảo, thọ nhận thí y của cư sĩ tức là lỗi. Nhưng ba y, nếu chứa dư thì có lỗi. Khất thực thọ thỉnh thì có lỗi (như trên). Không làm pháp dư thực, làm thì gọi là lỗi. Nhất đoàn thực mà tái thực (ăn lại) thì lỗi. Ở chốn Lan Nhã mà tụ lạc thì lỗi. Ở gò mả mà ngồi chỗ khác thì lỗi. Ở dưới gốc cây mà ở trong nhà thì lỗi. Đất trống mà có che thì lỗi. Tùy tọa mà ngồi ở chỗ tham ưa thì lỗi. Thường ngủ ngồi mà nằm thì lỗi. Không xả mà trái lời Phật chế đều phạm tội Đột-cát-la.

Không thể khiến cho xả: nên nói rằng ngày nay ta xả pháp khát thực v.v... Thì biết mười hai phạm hạnh này đều phải tác pháp thọ và hành thực không nên xả bỏ.

Không thọ thì không thành, không xả thì trái phạm, nên biết điều đó.